TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 511/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Thành

Bà Cao Kim Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân QUẬN G, Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân QUẬN G, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09-10-2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 29-3-2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3843/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 29-8-2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 4698/QĐST-HNGĐ ngày 20-9-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị N
Địa chỉ: Số 18A/A3/10, đường K, phường ĐK, Quận G, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Tạ Minh Đ
Địa chỉ: Số 18A/A3/10 đường K, phường ĐK, Quận G, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai bà Phan Thị N là nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Tạ Minh Đ tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường ĐK, Quận G (Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2012, quyển số 01/2012 ngày 06-3-2012).

- Theo bà N trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt về khuya, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3-2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà N yêu cầu ly hôn ông Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Tạ Minh Thuỳ T, sinh ngày 09-7-2012, bà N yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng hai bên tự giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ông Tạ Minh Đ là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với bị đơn là ông Tạ Minh Đ, cư trú tại: Số 18A/A3/10, đường K, phường ĐK, Quận G, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận G, Thành phố H.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Phan Thị N và ông Tạ Minh Đ tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường ĐK, Quận G (Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2012, quyển số 01/2012 ngày 06-3-2012) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, theo nguyên đơn trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt về khuya, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3-2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn để ổn định cuộc sống. Phía bị đơn vắng mặt không đến Toà án để trình bày ý kiến mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Xét thấy, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc từ hai phía. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên toà, bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thể hiện bị đơn không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Có 01 con chung tên Tạ Minh Thuỳ T, sinh ngày 09-7-2012, nguyên đơn yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con hai bên tự giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí 300.000 đồng. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phan Thị N ly hôn ông Tạ Minh Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2012, quyển số 01/2012 do Uỷ ban nhân dân phường ĐK, Quận G cấp ngày 06-3-2012).

Về con chung: Giao con chung tên Tạ Minh Thuỳ T, sinh ngày 09-7-2012 cho bà Phan Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu Toà giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí AA/2018/0007294 ngày 27-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G; Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./ .

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Quỳnh Trâm